



BẢNG GIÁ VAN VÒI

Đơn vị tính: VNĐ/cái (Unit: VND/pc)

TÊN SẢN PHẨM ITEM	DN		ĐƠN GIÁ - PRICE		SỐ LƯỢNG - QUANTITY	
	(INCH)	(MM)	TRƯỚC VAT	THANH TOÁN	CÁI/HỘP	CÁI/THÙNG
VAN CỬA ĐỒNG - DEKKO PN16						
	1/2"	15	110,000	121,000	10	100
	3/4"	20	136,000	149,600	10	100
	1"	25	190,000	209,000	5	50
	1-1/4"	32	280,000	308,000	5	40
	1-1/2"	40	355,000	390,500	4	32
	2"	50	570,000	627,000	2	16
	2-1/2"	65	1,140,000	1,254,000	1	10
	3"	80	1,469,000	1,615,900	1	6
	4"	100	2,930,000	3,223,000	1	4
VAN CỬA ĐỒNG - VIWA PN10						
	1/2"	15	85,000	93,500	10	100
	3/4"	20	106,500	117,150	10	100
	1"	25	144,000	158,400	5	50
	1-1/4"	32	242,000	266,200	5	40
	1-1/2"	40	300,000	330,000	4	32
	2"	50	430,000	473,000	2	16
	2-1/2"	65	983,000	1,081,300	1	10
	3"	80	1,305,000	1,435,500	1	6
	4"	100	2,270,000	2,497,000	1	4
VÒI GẠT ĐỒNG - DEKKO PN16						
	1/2"	15	91,000	100,100	10	100
	3/4"	20	112,500	123,750	10	100
VÒI GẠT HỢP KIM - VIWA PN10						
	1/2"	15	50,900	55,990	10	100
	3/4"	20	60,500	66,550	10	100
VÒI ĐỒNG MẠ NIKEN - DEKKO						
	1/2"	15	117,500	129,250	10	100

TÊN SẢN PHẨM ITEM	DN		ĐƠN GIÁ - PRICE		SỐ LƯỢNG - QUANTITY	
	(INCH)	(MM)	TRƯỚC VAT	THANH TOÁN	CÁI/HỘP	CÁI/THÙNG
VAN BI ĐỒNG TAY GẠT - VIWA PN10						
	1/2"	15	73,000	80,300	10	100
	3/4"	20	90,000	99,000	10	100
	1"	25	152,500	167,750	6	60
	1-1/4"	32	272,500	299,750	6	48
	1-1/2"	40	360,000	396,000	4	32
	2"	50	575,000	632,500	2	16
	2-1/2"	65	1,190,000	1,309,000	1	10
	3"	80	1,640,000	1,804,000	1	6
	4"	100	2,660,000	2,926,000	1	4
VAN BI ĐỒNG TAY GẠT - DEKKO PN16						
	1/2"	15	83,000	91,300	10	100
	3/4"	20	108,000	118,800	10	100
	1"	25	175,000	192,500	6	60
	1-1/4"	32	326,000	358,600	6	48
	1-1/2"	40	414,000	455,400	4	32
	2"	50	624,000	686,400	2	16
VAN BI HỢP KIM TAY GẠT - VIWA PN10						
	1/2"	15	46,000	50,600	10	100
	3/4"	20	61,000	67,100	10	100
	1"	25	88,000	96,800	6	60
	1-1/4"	32	180,000	198,000	6	48
	1-1/2"	40	247,000	271,700	4	32
	2"	50	360,000	396,000	2	16
VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LÒ XO NÊM NHỰA - VIWA PN10						
	1/2"	15	43,000	47,300	10	100
	3/4"	20	60,000	66,000	10	100
	1"	25	85,000	93,500	5	50
	1-1/4"	32	165,000	181,500	5	40
	1-1/2"	40	221,000	243,100	4	32
	2"	50	285,000	313,500	2	16
VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LÁ LẬT - VIWA						
	1/2"	15	40,700	44,770	10	100
	3/4"	20	54,100	59,510	10	100
	1"	25	92,500	101,750	8	80
	1-1/4"	32	176,500	194,150	6	48
	1-1/2"	40	219,000	240,900	4	32
	2"	50	385,000	423,500	2	16